

Bản án số: 28/2023/DS-PT

Ngày 02/02/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
Hợp đồng cầm cố và Thuê QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng cầm cố và thuê quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 453/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐ-PT ngày 03/01/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: ấp Long H1, xã Long KA, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Bùi Văn B (tên khác: L), sinh năm 1953. Người đại diện hợp pháp cho ông Bùi Văn B theo ủy quyền là anh Bùi Thanh P, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ cư trú: ấp Long T1 B, xã Long KA, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Giấy ủy quyền ngày 19/8/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B: Luật sư Phạm Bính K1 – Văn phòng luật sư Việt Tin, Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.

2.2 Bà Khương Bích P1, sinh năm 1953 (đã chết ngày 06/01/2021). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Khương Bích P1, gồm:

2.2.1 Anh Bùi Thanh P, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: ấp Long T1 B, xã Long KA, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh P: Luật sư Phạm Bính K1– Văn phòng luật sư Việt Tin, Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.

2.2.2 Chị Bùi Bích T2, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: ấp Long T1 B, xã Long KA, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2.2.3 Chị Bùi Thị Mỹ T2, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp Long T1 B, xã Long KA, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2.2.4 Ông Bùi Văn B (tên khác: L), sinh năm 1953. Người đại diện hợp pháp cho ông Bùi Văn B theo ủy quyền là anh Bùi Thanh P, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ cư trú: ấp Long T1 B, xã Long KA, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Giấy ủy quyền ngày 19/8/2022).

2.2.5 Chị Bùi Thị Bích H2, sinh năm 1976. Địa chỉ: số 60 lầu 1, Đường Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H2: Luật sư Phạm Bính K1– Văn phòng luật sư Việt Tin, Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bùi Văn B, Bùi Thanh P, Bùi Thị Bích H2.

(Bà T, anh P, chị H2, Luật sư K1 có mặt; chị Bích T2, chị Mỹ T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh T, trình bày:

Vào ngày 04/9/2002 âm lịch vợ chồng ông B và bà P1 có cố cho bà phân đất ruộng có diện tích 4.000m² không biết số thửa đất, tờ bản đồ và ai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ biết đất cổ giáp ranh với đất ông Út Đực và ông Út Nảy, đất tọa lạc tại ấp Long B2, xã Long K B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, với số vàng là 20 chỉ vàng 24kra (vàng 9T8), thời hạn cố 02 năm. Sau khi cố đất thì bà không có sử dụng đất, vì cùng ngày cố đất bà đã cho vợ chồng bà P1, ông B thuê đất làm lại với giá 2.000.000đ/1 công (1000m²) x 4 công là 8.000.000đ. Việc cố đất và cho thuê đất có làm giấy tay.

Trong quá trình thuê đất thì ông B, bà P1 đã trả tiền thuê đất cho bà đến năm 2006 là 04 năm với số tiền 32.000.000đ. Từ năm 2007 đến tháng 9 năm 2011 là 5 năm thì ông B, bà P1 trả nhiều lần được 19.200.000đ còn lại 20.800.000đ. Từ tháng 9 năm 2012 đến tháng 9 năm 2019 là 08 năm thì giá cho thuê đất còn 1.500.000đ/1 công đất x 4 công là 6.000.000đ x 8 năm =

48.000.000đ thì ông B, bà P1 không trả tiền thuê đất cho bà nữa. Tổng cộng ông B, bà P1 nợ tiền thuê đất của bà là 68.800.000đ.

Ngoài ra, bà P1 nhiều lần vay tiền của bà, không nhớ cụ thể các lần vay như thế nào chỉ nhớ vào ngày 04/9/2003 kết sổ lại bà P1 còn nợ bà 37.000.000đ. Đến ngày 04/9/2019 thì bà P1 thống nhất số tiền thuê đất còn nợ 68.800.000đ thành tiền vay nên bà P1 làm biên nhận nợ cho Bà tổng cộng là 105.800.000đ, tiền lãi 210.000.000đ, bà không nhớ cụ thể tiền lãi tính từ thời gian nào đến thời gian nào và lãi suất bao nhiêu phần trăm ra được số tiền là 210.000.000đ, vì có lúc Bà tính lãi suất 3% có lúc 2% và tính nhiều mốc thời gian. Biên nhận nợ ngày 04/9/2019 chỉ có bà P1 viết và ký tên, ông B không có ký tên. Từ khi làm biên nhận nợ thì ông B, bà P1 không có trả tiền gốc lãi cho bà và hiện phần đất mà vợ chồng bà P1 cố cho bà đã không còn, vì bà P1, ông B đã bán đất cho người khác, không biết bán khi nào và cho ai, vì khi bán đất ông B, bà P1 không có cho bà hay. Bà không tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, bà cũng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông B, bà P1 trong tờ thuê mượn đất và cổ đất ngày 04/9/2002, vì bà chỉ thấy bà P1 trực tiếp ký tên, lúc đó bà P1 nói với bà đem về cho ông B ký nên bà không có trực tiếp nhìn thấy ông B ký tên vào tờ cổ đất và mượn đất. Việc bà P1 cố đất, vay tiền cũng như mượn lại đất mục đích chăn nuôi cá, lo kinh tế trong gia đình, thời điểm đó bà P1 quyết định tất cả, do Bà tin tưởng nên chỉ một mình bà P1 ký tên vào tờ biên nhận ngày 04/9/2019 mà không yêu cầu ông B cùng ký tên, khi bà đến nhà ông B đòi tiền thì ông B cũng từng hứa với bà để từ từ bán đất nền nhà để trả nợ cho bà, anh P từng nói với bà, bà P1 nợ để từ từ trả, chưa gì kiện ra Tòa nên kêu bà ra mã bà P1 mà đòi.

Nay yêu cầu ông B và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà P1 là anh Bùi Thanh P, chị Bùi Bích T2, chị Bùi Thị Mỹ T2 và chị Bùi Thị Bích H2 trả cho bà vàng cổ đất là 20 chỉ vàng 24kra (vàng 9T8), tiền vay còn nợ gốc 105.800.000đ, tiền lãi 210.000.000đ. Tổng cộng 315.800.000đ và không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Bùi Văn B và bà Khương Bích P1 (chết) có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Khương Bích P1 cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn B, anh Bùi Thanh P, trình bày: Anh P là con ruột của bà P1, ông B, cha anh còn có tên khác là Lực. Nếu bà P1 có cổ đất thì phải có giấy tờ, có chữ ký, lấn tay của gia đình anh. Nếu đúng bà P1 có cổ đất thì Bà Tcứ canh tác khi nào gia đình anh có vàng thì sẽ chuộc lại. Bà P1 đã hết sức lao động, bệnh khoảng hơn 10 năm và cách nay 03-04 năm thì bà P1 bệnh rất nặng không đi đâu được chỉ ở nhà, trong khi anh là lao động chính trong gia đình, lo kinh tế, lo chi tiêu trong gia đình mà tại sao Bà T

cho bà P1 vay số tiền lớn như vậy mà anh không hề hay biết, cho đến khi bà P1 chết và Tòa án gửi giấy mời anh mới biết, các chữ ký, chữ viết trong tờ biên nhận nợ ngày 04/9/2019 cũng như tờ cổ đất, thuê đất không phải là chữ ký, chữ viết của bà P1, ông B. Những giấy tờ ghi nợ mà Tòa án cho anh xem là không đúng luật, không hợp pháp, vì không có chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập, Tự do, Hạnh phúc, không có tên họ đầy đủ, không có số nhà, không có giấy chứng minh nhân dân hợp pháp của mỗi người, không có người làm chứng, không có công chứng hợp pháp, giấy mượn nợ không có hạn ngày trả nợ. Khi mẹ anh còn sống có từng nói với anh, Bà T là người cho vay nặng lãi, chứ mẹ anh không có nói với anh thiếu nợ Bà T. Anh cũng biết Bà T là người cho vay nặng lãi. Anh không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký của bà P1 trong tờ biên nhận ngày 04/9/2019 cũng như trong tờ cổ đất và thuê đất ngày 04/9/2002. Hiện chữ ký chữ viết của mẹ anh là bà Khương Bích P1 anh không còn giữ. Kết luận giám định mà Tòa án thông báo cho anh biết là chữ ký trong tờ biên nhận nợ ngày 04/9/2019 là của bà Khương Bích P1 thì anh không biết, không liên quan gì, Bà T muốn gì thì đòi mẹ anh, anh không có vay tiền gì của Bà T nên anh không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà T.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh T. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Khương Bích P1 (đã chết) gồm ông Bùi Văn B, chị Nguyễn Thị Bích Hạnh, anh Bùi Thanh P, chị Bùi Bích T2, chị Bùi Thị Mỹ T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền vay còn nợ 315.800.000đ (Ba trăm mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng) và 20 (hai mươi) chỉ vàng 24kra (vàng 9T8) trong phạm vi di sản của bà P1 để lại.

2. Về chi phí giám định: Ông Bùi Văn B, chị Nguyễn Thị Bích H2, anh Bùi Thanh P, chị Bùi Bích T2, chị Bùi Thị Mỹ T2 có trách nhiệm trả lại cho Bà T 14.970.000đ (Mười bốn triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Ông Bùi Văn B, chị Nguyễn Thị Bích H2, anh Bùi Thanh P, chị Bùi Bích T2, chị Bùi Thị Mỹ T2 chịu 10.290.000đ (Mười triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).

3.2 Bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.375.000đ theo biên lai thu số 0003095 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án

(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ngày 09/9/2022 ông Bùi Văn B, anh Bùi Thanh P, chị Bùi Thị Bích H2 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh P (đồng thời đại diện cho ông B, chị H2 phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông B, anh P, chị H2, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư K1 phát biểu:

+ Đối với 20 chỉ vàng 24k theo Biên nhận cổ đất ngày 04/9/2002 tại phiên tòa phúc thẩm Bà T thừa nhận là không biết ông B có ký tên vào biên nhận hay không. Ông B khẳng định không có ký tên vào biên nhận.

+ Hợp đồng thuê đất ngày 04/9/2002 ông B cũng không có ký tên nên hợp đồng bị vô hiệu. Cho nên việc Bà T tính dồn tiền thuê đất và tiền vay là không hợp lý.

+ Biên nhận ngày 04/9/2019 xác định được chữ ký tên của bà P1 nhưng không xác định chữ viết là của ai. Bà T cho rằng viết tại nhà bà P1, tuy nhiên không ghi số chứng minh nhân dân, không xác định được rõ lãi như thế nào. Do biên nhận không rõ ràng cho nên xem đây chỉ là văn bản xác nhận, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông B, anh P, chị H2, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận khởi kiện của Bà T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm Bà T phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông B, anh P, chị H2, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm chị H2 phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của chị H2, sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông B, anh P, chị H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung, sửa phần án phí của ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của luật sư, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cầm cố và thuê quyền sử dụng đất là đúng pháp luật.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị Mỹ T2, chị Bích T2 vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Xét kháng cáo của ông B, anh P, chị H2 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T về việc trả 20 chỉ vàng 24k cổ đất và tiền vay, lãi 315.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xác định những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tài sản của bà P1 là ông B, chị Bích T2, chị Mỹ T2, chị H2, anh P.

Tại phiên tòa, anh P và chị H2 cho rằng bà P1 không có cầm cố đất, không có vay tiền của Bà T nên không đồng ý trả vàng cổ đất và tiền vay, lãi.

Nguyên đơn Bà T đưa ra chứng cứ là Biên nhận ngày 04/9/2002, Hợp đồng cổ đất ngày 04/9/2002, Biên nhận ngày 14/9/2019. Tại bản kết luận giám định số 468/KL-KTHS ngày 06/6/2022 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: *“Chữ ký mang tên Khương Bích P1 trên tài liệu cần giám định và tài liệu mẫu chữ ký do cùng một người ký ra”*.

Anh P, chị H2 cho rằng Bà Tép buộc bà P1 ký tuy nhiên không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh bà P1 bị ép buộc ký tên.

Do đó xác định vào ngày 04/9/2002 bà P1 có cổ đất cho Bà T, rồi mượn đất để làm và có vay tiền của Bà T theo biên nhận ngày 14/9/2019 là có cơ sở. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T là phù hợp.

Đối với ông B xác định không có ký tên vào Biên nhận ngày 04/9/2002, Hợp đồng cổ đất ngày 04/9/2002 và Biên nhận ngày 14/9/2019 nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông B chịu trách nhiệm liên đới nghĩa vụ là phù hợp.

Nghĩa vụ trả vàng cổ đất và trả tiền vay, tiền lãi là bà P1, tuy nhiên bà P1 đã chết vào ngày 06/01/2021 nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ về tài sản của bà P1 phải chịu trách nhiệm trả cho Bà T 20 chỉ vàng 24k do cổ đất và tiền vay, lãi 315.000.000đ trong phạm vi di sản của bà P1.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông B, anh P và chị H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm phần nội dung.

Đối với phần đất diện tích khoảng 4.000m² tọa lạc tại ấp Long B2, xã Long K B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp do các đương sự không có yêu cầu và Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông B liên đới nộp án phí dân sự phúc thẩm là chưa đúng quy định của pháp luật do ông B thuộc diện được miễn án phí nên sửa án sơ thẩm phần án phí.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên anh P, chị H2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông B được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn B, anh Bùi Thanh P, chị Bùi Thị Bích H2.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 615, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Khương Bích P1 (đã chết) gồm ông Bùi Văn B, chị Bùi Thị Bích H2, anh Bùi Thanh P, chị Bùi Bích T2, chị Bùi Thị Mỹ T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền vay, tiền lãi tổng cộng 315.800.000đ và 20 chỉ vàng 24kra (cổ đất) trong phạm vi di sản của bà Khương Bích P1 để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Ông Bùi Văn B, chị Nguyễn Thị Bích Hạnh, anh Bùi Thanh P, chị Bùi Bích T2, chị Bùi Thị Mỹ T2 có trách nhiệm chịu chi phí giám định 14.970.000đ. Do Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp và chi xong 14.970.000đ, nên Ông Bùi Văn B, chị Nguyễn Thị Bích Hạnh, anh Bùi Thanh P, chị Bùi Bích T2, chị Bùi Thị Mỹ T2 có trách nhiệm trả lại cho Bà T14.970.000đ.

3. Về án phí:

- Ông Bùi Văn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

- Chị Bùi Thị Bích H2, anh Bùi Thanh P, chị Bùi Bích T2, chị Bùi Thị Mỹ T2 liên đới chịu 10.290.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Bùi Thị Bích H2 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0004021 ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Anh Bùi Thanh P phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0004022 ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.375.000đ theo biên lai thu số 0003095 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông